

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bá Luận;

Ông Nguyễn Đình Tiếp;

Bà Lê Thị Mỹ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị X sinh năm 1985 tại tỉnh Thái Bình; số căn cước công dân: 034185013355; nơi cư trú: tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Viên chức; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Cao S và bà Trần Thị Q; bị cáo có chồng tên Nguyễn Duy Đ và có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị X: Ông Nguyễn Bảo P – Luật sư thuộc Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt);

- Bị hại: Ông Bùi Hưng T; sinh năm 1962 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: số E L, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty TNHH Đ1; địa chỉ: tầng B, Trung tâm thương mại V, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà

Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ngọc T1; địa chỉ: tầng B, Trung tâm thương mại V, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị X là nhân viên của Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh T có mối quan hệ quen biết với ông Bùi Hưng T, sinh năm 1962, nơi thường trú: số A đường D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, ông T nhắn tin nhờ X vay giúp 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng để chuộc lại căn nhà đang thế chấp tại ngân hàng. Cùng khoảng thời gian này, X cần tiền để mua căn hộ thuộc dự án Vinhomes O, tại: xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội (gọi tắt là dự án Vinhomes O) do Công ty TNHH Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) giới thiệu nên X nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T để mua căn hộ. Để thực hiện ý định, X đưa ra thông tin gian dối là cần 1.300.000.000 đồng để đáo hạn vay ngân hàng (thực tế X không có bất động sản đang thế chấp, vay tiền), sau khi đáo hạn sẽ vay giúp ông T 5.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân trước ngày 15 tháng 12 năm 2021. Ông T tin những thông tin do X cung cấp nên ngày 02 năm 12 năm 2021, ông T dùng số tài khoản 1008199967 mở tại Ngân hàng S1 chuyển vào số tài khoản 34110000893269, mở tại Ngân hàng B do X đứng tên chủ tài khoản 1.300.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, X sử dụng 622.285.448 đồng để đặt cọc cho Công ty Đ1 mua căn hộ S1.02168A thuộc Dự án Vinhomes O. Số tiền còn lại X tiêu xài cá nhân.

Khi đến hạn nhưng không thấy X vay giúp tiền nên ông T yêu cầu X trả 1.300.000.000 đồng. Do không có khả năng trả cho ông T nên X tìm nhiều lý do để kéo dài thời gian. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2021, X sợ ông T tố cáo nên chuyển khoản 300.000.000 đồng để trả cho ông T, đồng thời chặn liên lạc với ông T. Ngày 17 tháng 9 năm 2022, ông T tố giác Trần Thị X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Quá trình làm việc, Trần Thị X thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Bị hại Bùi Hưng T yêu cầu bị cáo Trần Thị X bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng. Bị cáo X đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường.

Đối với số tiền 622.285.448 đồng mà bị cáo X sử dụng mua căn hộ của Công ty Đ1 là tiền do phạm tội mà có nên yêu cầu Công ty Đ1 giao nộp.

Tại Cáo trạng số 184/CT-VKSBD-P2 ngày 27 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Trần Thị X về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo về tội danh như cáo trạng, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục phần lớn hậu quả cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 09 (chín) đến 10 (mười) năm tù, đề nghị bồi thường dân sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất việc truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng, bị hại có phần lỗi khi giao tiền cho bị cáo mà không tìm hiểu, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ly hôn chồng phải tự mình nuôi các con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa: những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp tài liệu chứng cứ thu giữ được trong vụ án nên có đủ cơ sở

kết luận: do cần tiền để mua căn hộ S1.02168A thuộc Dự án Vinhomes O và tiêu xài nên Trần Thị X đã đưa ra thông tin gian dối về việc X đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tại Ngân hàng, cần số tiền 1.300.000.000 đồng để thực hiện việc đáo hạn ngân hàng (thực tế X không có bất động sản đang thế chấp, vay tiền), sau đó sẽ vay giúp ông T 5.000.000.000 đồng để ông T tin tưởng và chuyển khoản cho X 1.300.000.00 đồng. Sau khi nhận được tiền, X sử dụng 622.285.448 đồng để đặt cọc mua căn hộ S1.02168A thuộc Dự án Vinhomes O và tiêu xài. Hành vi của bị cáo X đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đưa thông tin gian dối để bị hại chuyển tiền rồi chiếm đoạt là hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên phải chịu trách nhiệm về hành vi mà mình đã thực hiện. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, cần phải xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo đồng ý dùng số tiền đã nộp mua căn hộ tại Công ty TNHH Đ1 để bồi thường cho bị hại nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Đối với hành vi của người tên Lưu Xuân P1: quá trình điều tra bị cáo X khai nhận quen biết P1 ngoài xã hội, P1 giới thiệu là nhân viên Ngân hàng H – Chi nhánh H1. P1 giới thiệu X về việc mở thẻ tín dụng với hạn mức 500.000.000 đồng với điều kiện X phải mở sổ tiết kiệm tại ngân hàng H để làm tài sản đảm bảo. Tin lời nên X đã đưa tiền mặt cho P1 tổng cộng 350.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền Phương không thực hiện theo cam kết mà chiếm đoạt. Tuy nhiên, quá trình điều tra X không cung cấp được các tài liệu chứng minh việc X giao tiền cho P1. P1 hiện không có mặt tại địa phương nên không

có cơ sở xem xét, xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị mức hình phạt cho bị cáo là chưa phù hợp.

[7] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị hại có lỗi là không phù hợp. Người bào chữa đề nghị xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp,

[8] Đối với số tiền 622.285.448 đồng, Công ty G L nhận từ bị cáo, số tiền này bị cáo do phạm tội chiếm đoạt của bị hại mà có nên cần buộc công ty nộp lại để khắc phục hậu quả cho bị hại theo yêu cầu.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của ông Bùi Hưng T số tiền 1.300.000.000 đồng, hiện đã bồi thường 300.000.000 đồng, số tiền 1.000.000.000 đồng bị cáo chưa bồi thường nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại theo yêu cầu.

[10] Án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị X 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 583, 584 585, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Trần Thị X có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Hưng T số tiền 1.000.000.0000 đồng.

Buộc Công ty TNHH Đ1 nộp lại 622.285.448 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: bị cáo Trần Thị X phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.